

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 07- 3- 2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thế.
- Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Kương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bạch T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Trương NG, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trương Thị Bạch T trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh NG tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên vào năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Vào năm 2018, chị T đã làm đơn xin ly hôn với

anh NG nhưng sau đó do muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con nên chị T đã xin rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng sống chung cũng không hạnh phúc. Từ ngày 24/5/2021, chị T đã lên thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn và vợ chồng xa nhau cho đến nay không đoàn tụ được. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể đoàn tụ được nên chị T nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trương NG, không đồng ý đoàn tụ.

2. Về con chung: Quá trình sống, chị T và anh NG có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh A, sinh ngày 12/3/2008 và Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 19/9/2016 đang sống với anh NG. Nay ly hôn do không có chỗ ở ổn định và con hiện sống với anh NG đang ổn định nên chị T đồng ý giao 02 con cho anh NG được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng số tiền là 01 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trương NG trình bày như sau:

1. quan hệ hôn nhân: Anh NG và chị T sống chung từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên vào năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung với nhau không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là khi vợ chồng có cự cãi nhau thì chị T tự ý bỏ nhà đi nhiều ngày. Thừa nhận vào năm 2018, chị T có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ lại với nhau. Đến năm 2021, chị T lên thành phố Hồ Chí Minh làm việc nhưng vợ chồng vẫn liên lạc với nhau và chị T có về nhà để thăm con. Đến tháng 5/2022, thì chị T mới cắt đứt liên lạc và chặn điện thoại của anh NG nên vợ chồng thật sự xa nhau cho đến nay. Anh NG nhiều lần tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con nhưng chị T không đồng ý. Nay anh NG vẫn còn tình cảm với chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nhưng chị T nhất quyết đòi ly hôn nên anh NG cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T.

2. Về con chung: Quá trình sống chung anh NG và chị T có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh A, sinh ngày 12/3/2008 và Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 19/9/2016, từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do anh NG trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T giao 02 con cho anh NG nuôi thì anh NG đồng ý. Chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền là 01 triệu đồng cho mỗi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh NG đồng ý.

3. Về tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Tại phiên tòa anh NG khẳng định vợ chồng không có nợ ai hay cho ai nợ nên anh NG thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Xác định đúng

quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 81, 82, 116 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh NG. Về con chung: Giao con chung cho anh NG được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1 triệu đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Bạch T yêu cầu được ly hôn với anh Trương NG, đồng ý giao 02 chung cho anh NG được trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Trương NG có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 356, quyển số 2 vào ngày 31/10/2002 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh NG là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị T trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2021 thì vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay do tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh NG. Tại phiên tòa, anh Nghĩa thừa nhận vợ chồng đã thật sự xa nhau từ tháng 5/2022 đến nay không đoàn tụ được. Mặc dù, anh NG còn thương vợ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nhưng do chị T nhất quyết đòi ly hôn với anh NG không đồng ý đoàn tụ nên anh NG cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T. Như vậy, chị T và anh NG đã thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh NG đều thống nhất quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh A, sinh ngày

12/3/2008 và Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 19/9/2016, hiện nay đang do anh NG trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa chị T và Nghĩa thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh NG được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp pháp luật. Đồng thời, con chung tên Minh A cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh NG. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh NG giao cháu Trương Ngọc Minh A, sinh ngày 12/3/2008 và Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 19/9/2016 cho anh NG được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh NG thỏa thuận, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh NG thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và anh NG thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Bạch T tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ và tiền cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trương NG không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG giao cháu Trương Ngọc Minh A, sinh ngày 12/3/2008 và

Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 19/9/2016 cho anh NG được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG. Chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho mỗi con chung. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu Trương Ngọc Minh A và cháu Trương Ngọc Gia B đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Bạch T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai số 0013779 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Số tiền án phí chị T phải nộp tiếp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Bạch T và anh Trương NG có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 356/2002 ngày 31/10/2002)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**